

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Phương.
- Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2024/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Trương Minh H**, sinh năm 1972; Địa chỉ: **số B, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**, có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1968; Địa chỉ: **số B, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2024, biên bản hòa giải ngày 23/7/2024, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn **Trương Minh H** trình bày:

Ông **H** và bà **C** sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989, đến nay không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay ông **H** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà **Nguyễn Thị C**. Quá trình sống chung ông **H** và bà **C** có 03 con chung tên **Trương Thị Hoàng H1**, sinh năm 1991; **Trương Hoàng T**, sinh năm 1993 và **Trương Hoàng Đ**, sinh năm 1998, hiện các con đã trưởng thành nên ông **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản và nợ chung ông **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên hòa giải ngày 23/7/2024 cũng như tại phiên tòa bà **Nguyễn Thị C** trình bày: Bà **C** và ông **H** sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989, đến nay không có

đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay bà Nguyễn Thị C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Trương Minh H. Quá trình sống chung ông H và bà C có 03 con chung tên Trương Thị Hoàng H1, sinh năm 1991; Trương Hoàng T, sinh năm 1993 và Trương Hoàng Đ, sinh năm 1998, hiện các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản và nợ chung bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Việc ông Trương Minh H xin ly hôn với bà Nguyễn Thị C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông H và bà C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà C có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Xét thấy hôn nhân giữa ông H và bà C là do ông H và bà C tự nguyện sống với nhau như vợ chồng, ông H và bà C đã đủ các điều kiện kết hôn theo luật định nhưng ông H và bà C không tiến hành đăng ký và thực hiện thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, cho nên ông H và bà C chung sống với nhau như vợ chồng không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Nay ông H yêu cầu được ly hôn với bà C, bà C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Từ điều luật dẫn giải trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông H là không phù hợp với quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị C là quan hệ vợ chồng mới phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa ông H và bà C xác định: Ông H và bà C có 03 con chung tên Trương Thị Hoàng H1, sinh năm 1991; Trương Hoàng T, sinh năm 1993 và Trương Hoàng Đ, sinh năm 1998, hiện các con đã trưởng thành nên ông H và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Ông H và bà C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông H và bà C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Trương Minh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Trương Minh H với bà Nguyễn Thị C là quan hệ vợ chồng.
2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.
3. Về chia tài sản: Ông H và bà C không yêu cầu giải quyết.
4. Về nợ chung: Ông H và bà C không yêu cầu giải quyết.
5. Về án phí : Ông H nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007528 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.
6. Về quyền kháng cáo: Ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã M (biết);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Văn Nhựt Minh**